

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2009

Trong năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế của nhiều nước trên thế giới làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của nước ta. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra cũng gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị, Quốc hội đã kịp thời ban hành Nghị quyết điều chỉnh mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 là: *Tập trung cao độ mọi nỗ lực ngăn chặn suy giảm kinh tế, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững, giữ ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động phòng ngừa lạm phát cao trở lại, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; trong đó, mục tiêu hàng đầu là ngăn chặn suy giảm kinh tế.*

1. Kết quả ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững.

Theo đà suy giảm kinh tế của những tháng cuối năm 2008, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I-2009 chỉ đạt 3,14%, thấp nhất trong những năm gần đây. Các quý sau, tốc độ tăng trưởng GDP nâng dần lên, làm cho tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 5,32%, bao gồm: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%; khu vực dịch vụ tăng 6,63%. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2009 tuy có thấp

hơn năm 2008 nhưng vẫn vượt mục tiêu kế hoạch (5%) và trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm thì đạt được mức tăng trưởng dương tương đối cao như kinh tế nước ta là một thành công. Hơn nữa, tốc độ tăng trưởng GDP quý III và quý IV năm 2009 cao hơn tốc độ tăng trưởng quý III và quý IV năm 2008 chứng tỏ kinh tế nước ta đã vượt qua thời kỳ suy giảm và các giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế đã triển khai trong năm qua phù hợp với tình hình thực tế và đang phát huy hiệu quả tích cực.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2009 theo giá so sánh năm 1994 ước tăng 3% so với năm 2008; trong đó, nông nghiệp tăng 2,2%, lâm nghiệp: 3,8%, thủy sản: 5,4%.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, mặc dù khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ bị bão lũ tàn phá nặng nề nhưng nhờ nỗ lực đẩy mạnh sản xuất ở các vùng, miền khác, nhất là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long nên sản lượng lương thực có hạt vẫn đạt 43,3 triệu tấn, tăng 24,4 nghìn tấn so với năm 2008; trong đó, sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, sản lượng ngô: 4,4 triệu tấn. Diện tích trồng một số cây lâu năm có xu hướng tăng trưởng khá như diện tích chè đạt 128,1 nghìn ha, tăng 2,6 nghìn ha so với năm trước; cà phê: 537 nghìn ha, tăng 6,1 nghìn ha; cao su: 674,2 nghìn ha, tăng 42,8 nghìn ha; hồ tiêu: 50,5 nghìn ha, tăng 0,6 nghìn ha. Sản lượng một số cây lâu năm cũng tăng khá như chè búp ước đạt 798,8 nghìn tấn, tăng 7%; cao su: 723,7 nghìn

tấn, tăng 9,7%; hồ tiêu: 105,6 nghìn tấn, tăng 7,2%. Chăn nuôi tiếp tục phát triển, nhất là chăn nuôi tập trung, quy mô lớn. Tại thời điểm 01-10-2009, đàn lợn cả nước có 27,627 triệu con, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm: 280,2 triệu con, tăng 12,8%; đàn trâu: 2,886 triệu con, giảm 0,4%; đàn bò: 6,103 triệu con, giảm 3,7%. Tuy số lượng đàn trâu, bò có giảm nhưng sản lượng sản phẩm chăn nuôi vẫn đạt khá; trong đó, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 75 nghìn tấn, tăng 4,8%; sản lượng thịt bò: 257,8 nghìn tấn, tăng 13,7%; sản lượng thịt lợn: 2.931,4 nghìn tấn, tăng 4,5%; sản lượng thịt gia cầm: 502,8 nghìn tấn, tăng 12,2%; trứng gia cầm: 5.952,1 triệu quả, tăng 9%.

Diện tích rừng trồng tập trung năm 2009 ước đạt 212 nghìn ha, tăng 5,9% so với năm 2008; diện tích khoanh nuôi, tái sinh rừng: 1.032 nghìn ha, tăng 5,2%; số cây trồng phân tán: 180,4 triệu, giảm 1,8%; diện tích rừng được chăm sóc: 486 nghìn ha, tăng 4,3%; sản lượng gỗ khai thác: 3.766,7 nghìn m³, tăng 5,7%.

Sản lượng thủy sản năm 2009 ước đạt 4.847,6 nghìn tấn, tăng 5,3% so với năm 2008; trong đó, cá đạt 3.654,1 nghìn tấn, tăng 5,3%; tôm: 537,7 nghìn tấn, tăng 7,2%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.569,9 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các địa phương tiếp tục chuyển đổi và mở rộng diện tích nuôi trồng theo hướng kết hợp đa canh, đa con. Thủy sản khai thác ước đạt 2.277,7 nghìn tấn, tăng 6,6% (tốc độ tăng cao nhất trong 8 năm trở lại đây).

Công nghiệp là ngành bị ảnh hưởng mạnh từ khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng nhờ những biện pháp kịp thời của Chính phủ và các cấp, các ngành (hỗ trợ lãi suất vay vốn, kích cầu mở rộng thị trường trong nước), nỗ lực, cố gắng của các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế nên kết quả sản xuất - kinh doanh từng bước được khôi phục và tăng trưởng. *Giá*

trị sản xuất công nghiệp cả năm 2009 ước đạt 696,6 nghìn tỉ đồng, tăng 7,6% so với năm 2008, bao gồm: khu vực kinh tế nhà nước tăng 3,7%; khu vực ngoài nhà nước tăng 9,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 8,1%. Một số sản phẩm công nghiệp quan trọng đạt tốc độ tăng cao hơn mức chung là: điều hòa nhiệt độ tăng 41,8%; khí hóa lỏng: 39,3%; tủ lạnh, tủ đá: 29,5%; xà phòng: 20,2%; xi măng: 19,2%; thép tròn: 19,1%; điện sản xuất: 11,9%; thuốc lá điếu: 10,5%; than sạch: 9,9%; dầu thô khai thác: 9,8%; nước máy thương phẩm: 9,7%; bia: 8,5%. Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quy mô sản xuất công nghiệp lớn có tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung cả nước là: Quảng Ninh tăng 15,8%; Thanh Hóa: 13,9%; Đồng Nai: 10,6%; Bình Dương: 10,3%; Khánh Hòa: 10%; Hà Nội: 9,4%; Cần Thơ: 9,1%; Đà Nẵng: 8,3%; TP. Hồ Chí Minh: 7,9%; Hải Phòng: 7,7%. Những tỉnh có tốc độ tăng thấp là: Hải Dương: 6,2%; Phú Thọ: 5,3%; Vĩnh Phúc: 5%; Bà Rịa - Vũng Tàu: 3,1%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế cả năm đạt 1.197,5 nghìn tỉ đồng, tăng 18,6%; nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì mức tăng đạt 11%. Mức tăng của các khu vực kinh tế như sau: khu vực kinh tế cá thể tăng 20,3%; kinh tế tư nhân: 22,9%; kinh tế nhà nước: 1,4%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: 9,5%; kinh tế tập thể: 18,8%. *Vận tải hành khách* năm 2009 ước tăng 8,2% về số khách vận chuyển và 6,2% về số khách luân chuyển. *Vận tải hàng hóa* tăng 4,1% về khối lượng hàng hóa vận chuyển và 8,6% về khối lượng hàng hóa luân chuyển. *Trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông*, số thuê bao điện thoại phát triển mới trong năm 2009 đạt 41,7 triệu thuê bao, tăng 40,8%, bao gồm 4 triệu thuê bao cố định, tăng 43,1%; 37,7 triệu thuê bao di động, tăng 40,5%. Số thuê bao điện thoại cả nước đến hết năm 2009 đạt 123 triệu.

tăng 51,3% so với cùng thời điểm năm trước, bao gồm 18,1 triệu thuê bao cố định và 104,9 triệu thuê bao di động. Số thuê bao internet cả nước đã đạt 3 triệu, tăng 45,5% so với cùng kỳ năm 2008; số người sử dụng internet ước đạt 22,9 triệu lượt người, tăng 10,3%; tổng doanh thu thuần bưu chính, viễn thông ước đạt 94,9 nghìn tỉ đồng, tăng 39,7%.

2. Kết quả ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2009, Chính phủ đã tập trung thực hiện các gói kích cầu đầu tư và tiêu dùng, đồng thời, chỉ đạo đẩy nhanh thực hiện các dự án, công trình trọng điểm nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. *Vốn đầu tư toàn xã hội* thực hiện trong năm theo giá thực tế tăng 15,3% và bằng 42% GDP, trong đó, khu vực nhà nước tăng 40,5%; khu vực ngoài nhà nước tăng 13,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 5,8%.

Mặc dù bị ảnh hưởng do thực hiện miễn, giảm, giãn thuế và giá dầu thô giảm nhưng *tổng thu ngân sách nhà nước* đến 15-12-2009 ước tính vẫn xấp xỉ đạt mức dự toán năm; trong đó, các khoản thu nội địa bằng 102,5%; thu từ dầu thô bằng 86,7%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 101,6%. *Tổng chi ngân sách nhà nước* đến ngày 15-12-2009 ước tính bằng 96,2% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển: 95,2%; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 99,6%; chi trả nợ và viện trợ: 102,7%. Bội chi ngân sách nhà nước năm 2009 bằng 7% GDP, thực hiện được mức Quốc hội đề ra.

Xuất khẩu hàng hóa chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng và suy giảm nghiêm trọng trong những quý đầu năm. Nhờ sự phục hồi đáng kể trong những tháng cuối năm nên tính chung cả năm xuất khẩu vẫn đạt 56,6 tỉ USD, giảm 9,7% so với năm 2008. *Kim ngạch hàng hóa*

nhập khẩu đạt 68,8 tỉ USD, giảm 14,7% so với năm 2008; trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,9 tỉ USD, giảm 16,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 24,9 tỉ USD, giảm 10,8%.

Giá tiêu dùng năm 2009 tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12-2009 so với tháng 12-2008 tăng 6,52%, thấp hơn mục tiêu 7% mà Quốc hội đề ra. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế nước ta vừa tăng trưởng tương đối khá vừa duy trì mức lạm phát không cao là "thành công kép" trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô.

3. Kết quả bảo đảm an sinh xã hội, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội khác.

Để thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách xóa đói giảm nghèo như Chương trình 134; Chương trình 135; Chương trình 30a và nhiều chương trình quốc gia hỗ trợ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, các xã đặc biệt khó khăn... Kết quả thực hiện các chương trình, dự án nêu trên đã góp phần ổn định đời sống dân cư. Mặc dù trong năm 2009 bão lũ tàn phá nặng nề các địa phương vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ nhưng tình trạng thiếu đói giáp hạt vẫn giảm đáng kể. Theo báo cáo của các địa phương, trên địa bàn cả nước có 676,5 nghìn lượt hộ với 2.973,3 nghìn lượt người bị thiếu đói, giảm 29,4% về số hộ và 26,2% về số nhân khẩu so với năm trước. Nhằm khắc phục tình trạng thiếu đói, các cấp, các ngành và các địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 43 nghìn tấn lương thực và 65,2 tỉ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước năm 2009 là 12,3%, thấp hơn mức 14,8% của năm 2007 và 13,4% của năm 2008.

Đời sống của những người làm công ăn lương cũng được cải thiện. Thu nhập bình

quân thặng của lao động khu vực nhà nước đạt 3,084 triệu đồng, tăng 14,2% so với năm 2008.

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được triển khai rộng khắp. Tính đến hết tháng 8-2009, số trường mầm non và phổ thông trung học được công nhận đạt chuẩn quốc gia là 8.672 trường, bao gồm: 1.644 trường mầm non; 5.254 trường tiểu học; 1.573 trường trung học cơ sở và 201 trường phổ thông trung học. Tính đến tháng 12-2009, cả nước đã có 48/63 địa phương đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và 56/63 đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

Tính đến tháng 8-2009, cả nước có 376 trường đại học, học viện và cao đẳng. Số sinh viên đại học, cao đẳng cả nước năm học 2008-2009 là 1,72 triệu, tăng 7% so với năm học trước, đạt chỉ tiêu 200 sinh viên/1 vạn dân, sớm hơn 1 năm so với mục tiêu kế hoạch đề ra. Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp là 625,8 nghìn, tăng 1,8%. Các cơ sở đào tạo nghề trong năm đã tuyển được 1.645 nghìn lượt người, vượt 0,3% kế hoạch. Ngày 27-11-2009, Chính phủ đã phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, theo đó, mỗi năm sẽ đào tạo 1 triệu lao động với tổng kinh phí thực hiện Đề án là 25.980 tỉ đồng. Mỗi lao động nông thôn trong diện đào tạo được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề dưới 3 tháng tối đa 3 triệu đồng/người/khóa và được hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại.

Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển sâu rộng với nhiều nội dung phong phú, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Nhiều lễ hội văn hóa gắn với việc kỉ niệm các ngày lễ lớn trong năm đã được tổ chức ở các địa phương. Ngành Thể dục Thể thao đã tổ chức thành công 16 giải thể thao quần chúng cấp quốc gia. Trong thể thao thành tích cao, đoàn thể thao Việt Nam cũng đã

giành 879 huy chương các loại; trong đó, có 341 huy chương vàng; 276 huy chương bạc và 262 huy chương đồng. Tại Đại hội thể thao châu Á trong nhà lần thứ ba, đoàn Việt Nam xếp thứ hai toàn đoàn với 42 huy chương vàng; 30 huy chương bạc và 22 huy chương đồng. Đặc biệt, tại SEA Games 25, đoàn Việt Nam đứng vị trí thứ hai toàn đoàn với 83 huy chương vàng; 75 huy chương bạc và 57 huy chương đồng.

4. Khó khăn, hạn chế và những giải pháp.

Bên cạnh những kết quả rất tích cực, sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta năm qua còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy có tăng lên, vượt qua suy giảm nhưng chủ yếu vẫn dựa vào phát triển theo chiều rộng, chưa thực sự trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội và nâng cao hiệu quả nên chưa thật vững chắc. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nói chung còn thấp.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế vẫn chưa ra khỏi cơ cấu ngành truyền thống với tỉ trọng tương đối cao của khu vực sản xuất vật chất nói chung và khu vực nông, lâm thủy sản nói riêng. Cơ cấu ngành và sản phẩm còn bất hợp lý, chưa phát huy khả năng, thế mạnh của mỗi địa phương.

Thứ ba, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc; mức thâm hụt ngân sách đã lên tới 7% GDP; nhập siêu tuy đã giảm nhưng vẫn bằng 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Lạm phát tuy đã được khống chế ở mức hợp lý nhưng giá cả vẫn càng tăng và đang tiềm ẩn nhiều yếu tố gây tái lạm phát cao.

Thứ tư, một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được khắc phục. Đời sống một bộ phận nhân dân vẫn còn khó khăn; tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm còn cao; tỉ lệ hộ nghèo tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức 12,3%; tình trạng dịch bệnh diễn biến phức tạp; tai nạn giao thông tiếp tục gia tăng; vi phạm quy định về vệ sinh

an toàn thực phẩm xuất hiện trên tất cả các khâu từ sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ.

Tóm lại, trong năm 2009, sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta chịu tác động tiêu cực từ nhiều phía, tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự nỗ lực của cán bộ, nhân dân, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, kinh tế - xã hội nước ta phát triển ổn định, tăng trưởng khá, vượt ra khỏi suy thoái, khủng hoảng. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều. Để có thể thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 đã được Quốc hội đề ra, chúng ta cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục chủ động ngăn chặn lạm phát cao trở lại và đang tiềm ẩn nhiều yếu tố tăng giá. Kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi nên nhu cầu hàng hóa sẽ tăng nhanh; những gói kích thích kinh tế lớn của Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc và nhiều nền kinh tế khác chắc chắn sẽ gây hệ lụy tăng giá một số loại nguyên vật liệu, thiết bị máy móc mà nước ta thường phải nhập khẩu với khối lượng lớn. Mặt khác, chính sách tiền tệ nới lỏng và chính sách tài khóa mở rộng mà Chính phủ thực hiện trong năm 2009 và còn đang duy trì cũng sẽ là một trong những nhân tố tác động làm tăng tốc độ tăng giá.

Hai là, nắm bắt cơ hội kinh tế thế giới phục hồi để đẩy mạnh xuất khẩu. Bên cạnh việc giữ vững thị trường truyền thống, cần tìm kiếm mở rộng thị trường mới, đặc biệt là thị trường không đòi hỏi hàng hóa chất lượng quá cao hoặc không có hàng rào kỹ thuật khắt khe đối với hàng hóa Việt Nam như thị trường châu Phi.

Ba là, chú trọng xây dựng mạng lưới phân phối và bán lẻ hàng hóa trong nước để khai thác tốt thị trường nội địa với sức mua của hơn 86 triệu dân. Đẩy mạnh và

thực hiện tốt cuộc vận động “*Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam*”. Có giải pháp mạnh mẽ ngăn chặn hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường; thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm từ sản xuất đến lưu thông.

Bốn là, khẩn trương xây dựng chương trình, đề án nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn và cải thiện đời sống nông dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Thực hiện triệt để chủ trương thu mua dự trữ các loại nông sản để nông dân yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất và chủ động xuất khẩu khi có nhu cầu thị trường. Triển khai các biện pháp giảm chi phí giá thành, trọng tâm là sản phẩm thức ăn chăn nuôi và giống cây con. Đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi và công tác dự báo, phòng chống thiên tai.

Năm là, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tích cực triển khai các chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; chủ động hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ; chú trọng khai thác tài sản trí tuệ của các nước phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao phục vụ nông nghiệp và chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Sáu là, đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng và từng địa phương; chú trọng quy hoạch vùng sản phẩm, vùng nông nghiệp chất lượng cao; tăng cường phối hợp liên kết các địa phương, liên kết vùng nhằm phát huy sức mạnh liên vùng, liên tỉnh, đồng thời, khắc phục hạn chế của mỗi địa phương, mỗi vùng, từ đó tạo ra sức tăng trưởng mạnh, hiệu quả, bền vững □

NGUYỄN ĐỨC

(Theo số liệu của Tổng cục Thống kê)